

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2016/NQ-HĐND

Tiền Giang, ngày 05 tháng 8 năm 2016

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thu, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch  
trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG  
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;*

*Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 179/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2014/TT-BTC;*

*Xét Tờ trình số 110/TTr-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức thu, quản lý và*

*sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 16/BC-HĐND ngày 28 tháng 7 năm 2016 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Quy định mức thu, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

#### **1. Đối tượng nộp lệ phí**

Cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh Tiền Giang giải quyết các công việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật.

#### **2. Mức thu lệ phí**

| <b>STT</b> | <b>Công việc thực hiện</b>  | <b>Mức thu<br/>(đồng/trường hợp)</b> |
|------------|---|--------------------------------------|
| <b>I.</b>  | <b>Đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã</b>   |                                      |
| 1          | Đăng ký khai sinh   |                                      |
|            | - Đăng ký khai sinh quá hạn   | 8.000                                |
|            | - Đăng ký lại khai sinh   | 8.000                                |
| 2          | Đăng ký lại kết hôn   | 30.000                               |
| 3          | Đăng ký khai tử   |                                      |
|            | - Đăng ký khai tử quá hạn   | 8.000                                |
|            | - Đăng ký lại khai tử   | 8.000                                |
| 4          | Đăng ký nhận cha, mẹ, con   | 15.000                               |
| 5          | Cấp bản sao trích lục hộ tịch   | 3.000/1 bản sao                      |
| 6          | Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi; bổ sung hộ tịch  | 15.000                               |
| 7          | Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân   | 15.000                               |
| 8          | Ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền | 8.000                                |

|           |  |                 |
|-----------|--|-----------------|
| 9         | Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác  | 8.000           |
| <b>II</b> | <b>Đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện</b>   |                 |
| 1         | Đăng ký khai sinh  | 75.000          |
| 2         | Đăng ký khai tử  | 75.000          |
| 3         | Đăng ký kết hôn  | 1.500.000       |
| 4         | Đăng ký giám hộ  |                 |
|           | - Đăng ký giám hộ  | 75.000          |
|           | - Đăng ký thay đổi, chấm dứt giám hộ   | 75.000          |
| 5         | Đăng ký nhận cha, mẹ, con  | 1.500.000       |
| 6         | Cấp bản sao trích lục hộ tịch  | 8.000/1 bản sao |
| 7         | Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc   | 28.000          |
| 8         | Ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (bao gồm khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; thay đổi hộ tịch; khai tử) | 75.000          |
| 9         | Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn, ly hôn, hủy việc kết hôn đã được giải quyết ở nước ngoài  | 75.000          |
| 10        | Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác   | 75.000          |

### **3. Miễn thu lệ phí**

a) Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.

b) Đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.

### **4. Quản lý và sử dụng lệ phí**

a) Cơ quan có thẩm quyền đăng ký hộ tịch tổ chức thu lệ phí thì phải nộp 100% lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền đăng ký hộ tịch ủy quyền thu lệ phí thì cơ quan được ủy quyền thu lệ phí được để lại 90% số tiền lệ phí thu được phục vụ cho công tác tổ chức thu lệ phí và hỗ trợ công tác đăng ký hộ tịch theo quy định pháp luật, 10% số tiền thu lệ phí còn lại nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Số tiền lệ phí được trích để lại cho cơ quan thu được quản lý, sử dụng theo quy định hiện hành.

b) Lập dự toán và quyết toán thu, chi lệ phí đăng ký hộ tịch: hàng năm cùng với việc lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, cơ quan tổ chức thu lệ phí lập dự toán thu, chi lệ phí hộ tịch gửi cơ quan tài chính cùng cấp xem xét, tổng hợp vào dự toán ngân sách địa phương.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khóa IX, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 05 tháng 8 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 8 năm 2016.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 83/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tiền Giang./.

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ IV (VP Chính phủ);
- Vụ Công tác phía Nam (VPQH);
- Cơ quan Thường trực Bộ Nội vụ;
- Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Danh**